

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 09 – 9 – 2022

“V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly
hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Trân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Hà Ngân Kim Tới.

2/ Ông Huỳnh Minh Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Sa The - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 170/2022/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 54/2022/QĐST- HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng A;** Sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh S (Ông A vắng mặt – có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

*** Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T;** Sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh S (Bà T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng A trình bày:

Ông với bà Nguyễn Thị Thanh T tổ chức lễ cưới vào năm 2009 nhưng đến năm 2011, ông bà mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh S và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 187 ngày 12 tháng 8

năm 2011. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống ở nhà cha mẹ ruột ông A ở ấp N, xã T, huyện T, tỉnh S. Ông bà chung sống hạnh phúc cho đến năm 2018 thì phát sinh sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi vã nhau. Vào năm 2018, sau khi hai vợ chồng cãi nhau thì bà T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột của bà T sinh sống và không quay về sống với chồng con nữa. Từ năm 2018 cho đến nay, ông bà đã không còn quan tâm, lo lắng cho nhau. Ông A cho rằng tình cảm giữa hai người đã không còn và ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Trong quá trình chung sống, ông A với bà T có hai con chung là Nguyễn Hoàng Tuấn K, sinh ngày 02/11/2010 và Nguyễn Hoàng Thiên Á, sinh ngày 27/12/2012 đang sống với ông A.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay ông Nguyễn Hoàng A yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T.
- Về con chung: Ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Hoàng Tuấn K và Nguyễn Hoàng Thiên Á và không yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T không có lời trình bày do vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 170/TB-TLVA ngày 13 tháng 6 năm 2022, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T nhưng bà Nguyễn Thị Thanh T không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng A. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với bà Nguyễn Thị Thanh T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Nguyễn Thị Thanh T đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành mở phiên họp và đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Đồng thời đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng A ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Tuấn K và Nguyễn Hoàng Thiên Á cho ông Nguyễn Hoàng A trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục. Bà Nguyễn Thị Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Hoàng A và bà Nguyễn Thị Thanh T đều vắng mặt nhưng nguyên đơn ông A có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, còn bà T mặc dù đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông A và bà T.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Hoàng A và bà Nguyễn Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh S cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 187 ngày 12 tháng 8 năm 2011 nên quan hệ hôn nhân giữa ông A và bà T là hợp pháp. Nguyên đơn ông A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án cho ly hôn với bà T, yêu cầu được nuôi cháu Tuấn K và Thiên A, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét lý do xin ly hôn của ông A, Hội đồng xét xử xét thấy, hai người kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Hai người chung sống hạnh phúc cho đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi vã nhau. Hai người đã không còn chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không ai tới lui, chăm sóc cho nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân của hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó ông Nguyễn Hoàng A yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thanh T là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Cháu Nguyễn Hoàng Tuấn K và Nguyễn Hoàng Thiên A trình bày có nguyện vọng được sống với cha nếu cha và mẹ cháu ly hôn. Ông A yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi hai con. Xét yêu cầu được nuôi hai con của ông A, ông có công việc kinh doanh tự do và thu nhập một tháng khoảng 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Từ khi ông A và bà T không còn chung sống với nhau thì hai con do ông A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và hiện tại, ông A hoàn toàn có đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Tuấn K và Thiên A cho ông A nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông A không yêu cầu nên bà T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: Ông A trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Ông A trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông A yêu cầu nên ông A phải chịu theo luật định.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng A.

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng A được quyền ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Tuấn K, sinh ngày 02/11/2010 và Nguyễn Hoàng Thiên Â, sinh ngày 27/12/2012 cho ông Nguyễn Hoàng A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà Nguyễn Thị Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà Nguyễn Thị Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp bà Nguyễn Thị Thanh T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Nguyễn Hoàng A có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà Nguyễn Thị Thanh T. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004026 ngày 01/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S. Như vậy ông Nguyễn Hoàng A đã nộp xong án phí.

- Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- UBND xã T, huyện T, tỉnh S;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Trân